TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HS - ST
Ngày: 31 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toản;

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Phạm Thị Bích Nguyệt - Đơn vị công tác: Hội LHPNVN thành phố Sông Công, tỉnh Thái nguyên.

2. Ông Nguyễn Văn Tiến - Đơn vị công tác: Thành Đoàn thành phố Sông Công, tỉnh Thái nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2023/ TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Thị T - Sinh ngày 10/6/2005, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 06, phường G, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Tiến D - Sinh năm: 1984 và bà Đoàn Thị D - Sinh năm: 1987, bị cáo chưa có chồng con. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

*.*Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Thị T*: Bà Nguyễn Thị Vân - Sinh năm 1957, nơi cư trú: Tổ 06, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, là bà nội của bị cáo.

(Có mặt tại phiên tòa).

*. *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T:* Bà Hoàng Thị B – Luật sư, cộng tác viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

*. *Người bị hại:* Anh Vũ Văn H - Sinh ngày: 18/8/1988;

Nơi cư trú: Tổ 01, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

***.** *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn L - Sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Tổ 2A, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Phan Việt Đ - Sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Tổ 10, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Nguyễn Tự Hạ T - Sinh năm 1998;

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng đầu tháng 03/2022, Hoàng Thị T được anh Vũ Văn H, là quản lý căng tin của Bệnh viện C - Thái nguyên (Tộc phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên) nhận vào làm nhân viên tạp vụ. Quá trình làm việc, T được anh H tin tưởng nên từ khoảng đầu tháng 6/2022, anh H giao cho T làm nhân viên T ngân của căng tin. Hằng ngày, nhiệm vụ của T là T tiền bán hàng, đến buổi chiều cuối giờ làm việc,T cộng số tiền đã bán hàng được trong ngày chuyển lại cho anh Nguyễn Văn Linh, là quản lý siêu thị thực phẩm sạch Bệnh viện C – Thái Nguyên (Linh được anh H giao hằng ngày T tiền bán hàng của căng tin từ T). Ngày 14/8/2022, anh Linh nghỉ việc để giải quyết việc gia đình nên toàn bộ số tiền bán hàng trong các ngày 13 và 14/8/2022, T cầm và chưa bàn giao lại cho anh Linh.

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 14/8/2022, T cùng anh Nguyễn Tự Hạ Thiên và anh Phan Việt Đức cùng nhau đi hát Karaoke ở quán hát Tộc phường Cải Đan, thành phố Sông Công. Sau khi hát Karaoke xong do thiếu tiền để thanh toán nên T đã lấy số tiền 5.700.000 đồng (là tiền bán hàng do T đang quản lý) thanh toán tiền hát. Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 15/8/2022, anh Linh đến căng tin gặp T và nói: "mày cầm tiền bán hàng hai ngày rồi, mang sang để anh ký chuyển lại cho anh H", do T đã tiêu hết số tiền 5.700.000 đồng, không có khả năng trả nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền bán hàng trong các ngày 13 và 14/8/2022, T nói "đợi em ra cổng lấy ít đồ, xong em đưa lại". Sau đó T cầm số tiền còn lại là 4.700.000 đồng, rồi đi ra ngoài cổng Bệnh viện C bắt xe khách đi xuống Hà Nội bỏ trốn, sau đó T tiếp tục đi đến thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và đi làm Tê được khoảng 02 tháng. Sau khi phát hiện T đã chiếm đoạt số tiền bán hàng của căn tin nên anh H đã trình báo đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên giải quyết theo quy định.

Tại cơ quan Điều tra, bị cáo Hoàng Thị T đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 16/ CT - VKSSC ngày 10/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Hoàng Thị T về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Hoàng Thị T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị T phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; áp dụng điểm a khoản 1 điều 175, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 91, 98, khoản 1 Điều 101 và Điều 65 của BLHS, xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng hưởng treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải có trách nhiệm trả lại cho anh Vũ Văn H số tiền 8.400.000 đồng;

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Hoàng Thị T không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình, thừa nhận việc truy tố là không oan, đúng người, đúng tội.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công và điều luật áp dụng đối với bị cáo, xác định việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo (bố mẹ không quan tâm nên bị cáo phải ở với bà nội từ nhỏ, khi phạm tội là vị thành niên…), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo để cho bị cáo có cơ hội sửa cữa lỗi lầm và làm lại cuộc đời.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo nhất trí có ý kiến bào chữa nêu trên, không bổ sung gì thêm.

Người bị hại, anh Vũ Văn H có ý kiến: Nhất trí quan điểm luận tội nêu trên của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo, về dân sự yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền còn lại là 8.400.000 đồng.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo có ý kiến nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn khách quan, tự nguyện nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, vì đã phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra T thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận:

Bị cáo Hoàng Thị T làm nhân viên tạp vụ tại căng tin Bệnh viện C - Thái Nguyên, do anh Vũ Văn H làm chủ. Quá trình làm việc tại đây, bị cáo được anh H giao nhiệm vụ T tiền bán hàng trong ngày, sau đó có trách nhiệm bàn giao lại số tiền T được trong ngày cho anh Nguyễn Văn Linh để anh Linh giao lại cho anh H (Anh Linh được anh H giao T tiền bán hàng của căng tin từ bị cáo). Trong các ngày 13 và ngày 14/8/2022, bị cáo đã T được tổng số tiền bán hàng là 10.400.000 đồng, bị cáo đã tiêu sài hết số tiền 5.700.000 đồng. Khi anh Linh yêu cầu bàn giao lại tiền bán hàng thì bị cáo đã cầm nốt số tiền còn lại là 4.700.000 đồng rồi bỏ trốn và cũng đã tiêu sài hết số tiền này.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức và biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi và lòng tham đã cố ý chiếm đoạt số tiền 10.400.000 đồng của anh Vũ Văn H. Hành vi nêu trên của bị cáo Hoàng Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 175 của BLHS. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 175 của BLHS quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản..."

[3] Đánh giá về tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị T:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức độ của tội phạm là ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo

vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự nhằm tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, bị cáo và gia đình đã bồi thường cho anh H một khoản tiền để khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Tại phiên tòa, anh H là bị hại trong vụ án có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo, nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Xét thấy nhân thân và hoàn cảnh gia đình, thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, từ nhỏ bị cáo đã không được bố, mẹ đẻ quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng nên bị cáo phải ở với ông, bà nội cho đến nay. Sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn khai báo, phạm tội do nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nhất thời phạm tội, khi phạm tội ở tuổi vị thành niên, hơn nữa bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Hội đồng xét xử thấy, có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy không cần thiết phải cách ly xã hội đối với bị cáo, cho bị cáo được cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương để cho bị cáo có điều kiện tiếp tục được làm việc, giúp đỡ ông, bà nội và cũng cho bị cáo thấy được sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của BLHS thì người phạm tội còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, đến thời điểm phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi, theo quy định tại khoản 6 Điều 91 BLHS, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt của anh Vũ Văn H số tiền 10.400.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo và gia đình đã trả lại cho anh H số tiền 2.000.000 đồng. Anh H yêu cầu bị cáo có tránh nhiệm trả lại cho anh số tiền còn lại là 8.400.000 đồng. Xét yêu cầu của anh H là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 48 của BLHS và các Điều 584, 589 của BLDS cần chấp nhận và buộc bị cáo Hoàng Thị T phải có trách nhiệm tra lại cho anh Vũ Văn H số tiền 8.400.000 đồng.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội, ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, ý kiến của bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, biện pháp chấp hành hình phạt tù, về trách nhiệm dân sự là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[7] Đối với các anh Nguyễn Tự Hạ Thiên và Phan Việt Đức, quá trình điều tra xác định anh Thiên và anh Đức không liên quan gì đến hành vi phạm tội của T, nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST nộp vào ngân sách nhà nước Nhà nước theo quy định pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo bản trong hạn Luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 48, điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 91, 98, 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị T;
- Các Điều 468, 584, 586 và Điều 589 của BLDS;
- Các Điều 123, 136, 331 và Điều 333 của BLTTHS;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Thị T cho UBND phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo dõi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

3.Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Hoàng Thị T, buộc bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2023 cho đến khi bị cáo đi chấp hành án. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định khoản 5 Điều 175 của BLHS.

5. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải có trách nhiệm trả lại cho anh Vũ Văn H số tiền 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Anh Vũ Văn H) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (Bị cáo Hoàng Thị T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 420.000 đồng (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

7.Thông báo quyền kháng cáo: Bị cáo, người người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND tỉnh Thái nguyên;
- VKSND, THADS TP. Sông Công;
- Công an TP. Sông Công;
- Bị cáo, bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Toản